

**CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN
NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

- Tên Doanh nghiệp: Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Sông Lam
- Địa chỉ trụ sở chính: Khối I, Xã Hưng Đạo, Huyện Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An
- Mã chứng khoán: BSL
- ĐT: (84+) 2388.662.666
- Fax: (84+) 2388.662.662
- Người thực hiện công bố thông tin: Ông Nguyễn Hồng Anh
- Chức vụ: TV. HĐQT/ Phó giám đốc
- Loại công bố thông tin: 24h

Nội dung thông tin công bố:

Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Sông Lam công bố thông tin Báo cáo thường niên năm 2020.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty tại Website: <http://sasobeco.com.vn>

Tôi cam kết thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./

Nơi nhận:

- Như trên;
- TV. HĐQT, BKS, BĐH;
- Lưu: TK.

**ĐẠI DIỆN TÒ CHỨC
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ
THÔNG TIN**



Nguyễn Hồng Anh

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2900783332
- Vốn điều lệ: 450.000.000.000 đồng.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu:
- Địa chỉ: Khối 1 - xã Hưng Đạo - huyện Hưng Nguyên - tỉnh Nghệ An
- Số điện thoại: 02383.587.200
- Số fax: 02383.587.226
- Website: <http://sasobeco.com.vn>
- Mã cổ phiếu (nếu có): BSL

Quá trình hình thành và phát triển:

- Ngày 20/12/2006: Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Sông Lam được thành lập theo Giấy đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 2703001077 có trụ sở chính tại khối 1, xã Hưng Đạo, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, là Công ty thuộc Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn.

- Ngày 9/12/2007: Nhà máy bia Sài Gòn – Sông Lam được khởi công xây dựng tại khu Rủ Mượu thuộc địa bàn xã Nam Giang, huyện Nam Đàn và xã Hưng Đạo, huyện Hưng Nguyên.

- Ngày 13/07/2009: Chính thức triển khai xây dựng Nhà máy. Nhà máy Bia Sài Gòn – Sông Lam được xây dựng với tổng giá trị thực hiện dự án giai đoạn 1 là 1.045 tỷ đồng, trong đó phần thiết bị trị giá 859,797 tỷ đồng. Tổng thầu thiết kế và xây lắp nhà máy là Công ty Kroness AG – CHLB Đức, công suất thiết kế đạt 100 triệu lít/năm và có thể mở rộng lên 200 triệu lít/năm. Việc Sabeco xây dựng nhà máy bia tại Nghệ An là thành quả của quá trình hợp tác đầu tư giữa Tổng công ty CP Bia – Rượu – NGK Sài Gòn với UBND Tỉnh, không những góp phần phát triển kinh tế - xã hội cho địa phương mà còn thể hiện nghĩa cử cao đẹp trên quê hương Chủ tịch Hồ Chí Minh.

- Ngày 12/08/2010: Sản xuất mẻ bia thương mại đầu tiên.

- Ngày 12/12/2014: Chuyển trụ sở chính Công ty về tại Khối 1, xã Hưng Đạo, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An.

- Ngày 30/12/2014: Công ty nhận Cờ thi đua của Bộ Công Thương theo Quyết định 11996/QĐ-BCT.

- Ngày 20/12/2016: Kỷ niệm 10 năm ngày thành lập Công ty.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất, kinh doanh bia, rượu, nước giải khát; mua bán nguyên vật liệu, vật tư, phụ tùng, vận tải, xây dựng các dịch vụ và ngành nghề khác theo quy định pháp luật.

- Địa bàn kinh doanh: Toàn quốc.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:



- Mô hình quản trị: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban kiểm soát và Giám đốc.

- Cơ cấu bộ máy quản lý

+ Đại hội đồng cổ đông: Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có quyền lực cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông có nhiệm vụ: Thông qua sửa đổi bổ sung điều lệ. Thông qua kế hoạch phát triển của Công ty, thông qua báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và của các kiểm toán viên. Quyết định số lượng thành viên Hội đồng Quản trị.

+ Hội đồng Quản trị: Là cơ quan quản lý cấp cao nhất của Công ty, quản trị Công ty giữa kỳ Đại Hội. Các thành viên Hội đồng Quản trị được cổ đông bầu. Hội đồng Quản trị đại diện cho các cổ đông, có toàn quyền nhân danh Công ty để giải quyết mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông

+ Ban kiểm soát: Là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty. Ban Kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám Đốc.

+ Ban Giám đốc: Chịu trách nhiệm quản lý và điều hành toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty, chỉ đạo việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị.

+ Công ty có 13 Phòng ban, phân xưởng: Phòng Kế toán tài chính; Phòng Hành chính – Tổ chức; Phòng Kế hoạch - Đầu tư; Phòng Kiểm soát chất lượng; Phòng Kỹ thuật; Phòng Kiểm toán nội bộ; Bộ phận ISO; Phân xưởng Nấu – Xử lý nước cấp; Phân xưởng Động lực; Phân xưởng Lên men – Lọc - CIP – Xử lý nước thải; Phân xưởng Chiết bia; Phân xưởng Bảo trì và Bộ phận Kho.

+ Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

+ Hoàn thành tốt các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh do Đại hội đồng cổ đông và Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - NGK Sài Gòn đề ra.

+ Duy trì, đảm bảo tốt chất lượng các sản phẩm khi xuất ra thị trường.

+ Đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao trình độ chuyên môn đáp ứng nhu cầu phục vụ quá trình sản xuất kinh doanh.

+ Tăng cường, phối hợp với Công ty Thương mại tại khu vực phát triển thị trường.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

+ Bám sát định hướng, quy hoạch phát triển sản xuất xuất cũng như thị trường do Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - NGK Sài Gòn đề ra.

+ Tăng cường vai trò quản lý sản xuất kinh doanh qua các công tác cải tiến kỹ thuật, minh bạch trọng quản trị, đảm bảo sự phát triển bền vững và ổn định của Công ty bằng việc đẩy mạnh sản xuất, chú trọng nâng cao chất lượng sản phẩm, góp phần cùng Tổng Công ty nâng cao uy tín thương hiệu, mang lại hiệu quả kinh doanh tối ưu cho Công ty, tăng lợi tức cho cổ đông, đóng góp ngân sách Nhà nước và đưa Công ty ngày càng phát triển.

+ Chủ động tìm kiếm các thị trường tiềm năng và đẩy mạnh hợp tác, phát triển các dòng sản phẩm thế mạnh.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty:

+ Duy trì hệ thống quản lý chất lượng tích hợp ISO 9001:2015; Hệ thống quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm theo tiêu chuẩn ISO 22000:2005; Hệ thống Quản lý Môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015; Hệ thống phòng kiểm nghiệm đạt yêu cầu tiêu chuẩn Quốc tế ISO/IEC 17025:2005 mang lại nhiều hiệu quả cao trong công tác giám sát, điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh.

+ Phối hợp với các cơ quan ban ngành, các tổ chức, địa phương thực hiện công tác xã hội theo định hướng của Tổng Công ty “Bia Sài Gòn chung tay vì cộng đồng”.

5. Các rủi ro: (Nêu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường)

+ Hiệu quả kinh doanh của Công ty phụ thuộc lớn vào sản lượng sản xuất và giao nhận hàng của Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - NGK Sài Gòn;

+ Cạnh tranh khốc liệt với nhiều loại sản phẩm bia khác trong và ngoài nước.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

+ Trong năm 2020, tình hình kinh tế có chuyển biến tích cực nhưng vẫn còn rất nhiều khó khăn, thách thức.

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

| Chỉ tiêu | ĐVT | Năm 2020 | | Tỷ lệ % |
|--------------------------|-----------|----------|-----------|---------|
| | | Kế hoạch | Thực hiện | TH/KH |
| 1. Sản lượng sản xuất | Nghìn lít | 90,000 | 75,214 | 84% |
| 2. Sản lượng tiêu thụ | Nghìn lít | 90,000 | 75,983 | 84% |
| 3. Tổng doanh thu | Tỷ đồng | 1,535.63 | 1,414.74 | 92% |
| 4. Thuế TTĐB | Tỷ đồng | 777.02 | 713.86 | 92% |
| 5. Giá vốn | Tỷ đồng | 674.63 | 634.60 | 94% |
| 6. Chi phí bán hàng | Tỷ đồng | 1.26 | 0.98 | 77% |
| 7. Chi phí quản lý | Tỷ đồng | 26.67 | 24.62 | 92% |
| 8. Lợi nhuận từ HĐKD | Tỷ đồng | 56.04 | 40.68 | 73% |
| 9. Lợi nhuận khác | Tỷ đồng | (8.42) | (1.20) | 114% |
| - Lãi tiền gửi | Tỷ đồng | 3.45 | 5.92 | 171% |
| - Chi phí lãi vay | Tỷ đồng | 11.87 | 7.11 | 60% |
| 10. Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | 47.62 | 39.48 | 83% |
| - Thuế TNDN | Tỷ đồng | 9.52 | 5.48 | 58% |
| - Lợi nhuận sau thuế | Tỷ đồng | 38.10 | 34.00 | 89% |

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành:

| Stt | Họ và tên | Chức vụ | Năm sinh | Trình độ chuyên môn | Tỷ lệ % sở hữu |
|-----|-----------------|--------------|------------|-------------------------------|----------------|
| 1 | Võ Hải Thanh | Giám đốc | 05/05/1969 | Cử nhân kinh tế, Kỹ sư cơ khí | 0.438% |
| 2 | Nguyễn Hồng Anh | Phó Giám đốc | 29/04/1968 | Cử nhân kinh tế | 0.111% |
| 3 | Hoàng Lâm Hòa | Phó Giám đốc | 26/12/1968 | Thạc sỹ QTKD, Kỹ sư cơ khí | 0.056% |

- Những thay đổi trong ban điều hành: Không

- Số lượng cán bộ, nhân viên, tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

+ Số lao động có mặt cuối kỳ: 201 người; trong đó: nữ 60 người

Trong đó:

- Lao động ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn: 200 người
- Lao động ký hợp đồng xác định thời hạn 12 tháng đến 36 tháng: 00 người
- Số lao động ký hợp đồng lao động dưới 12 tháng: 01 người

+ Nguồn lao động ổn định và được điều chuyển cân đối giữa các bộ phận. Lao động trong năm giảm: 2%. 100% người lao động được bố trí việc làm thường xuyên, ổn định, không có tình trạng người lao động nghỉ chờ việc và nghỉ việc do không có việc làm.

+ Nguồn lao động trẻ, với trình độ chuyên môn cao, trình độ đại học chiếm 46%, cao đẳng và trung cấp chiếm 24%, lao động có bằng nghề, công nhân kỹ thuật chiếm 30% tổng số lao động và thường xuyên được đào tạo nâng cao tay nghề, trình độ chuyên môn nghiệp vụ cụ thể:

- Các chế độ, chính sách đối với người lao động như tham gia Bảo hiểm xã hội theo quy định được thực hiện nghiêm túc. Người lao động được hưởng các chế độ khác từ nguồn quỹ chăm lo đời sống cho người lao động của Công ty.

Số lần đào tạo trong năm 2020: 11 lượt với 89 lượt người và chi phí đào tạo 148,2 triệu đồng.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a. Các khoản đầu tư lớn: Không có.

b. Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

c. Đầu tư bổ sung: Triển khai đầu tư chiều sâu nhằm đảm bảo an toàn trong vận hành sản xuất của nhà máy cũng như Đầu tư xây dựng một số hạng mục mới thiết yếu theo yêu cầu của Tổng Công ty để đảm bảo cảnh quan, môi trường cũng như an toàn, an ninh của nhà máy như:

- Dự án xây dựng Nhà ăn công nhân: Đã hoàn thành công tác nghiệm thu, kiểm toán, thanh quyết toán dự án đầu tư và đưa vào sử dụng.

- Dự án đầu tư thêm bồn chứa CO₂: Đã hoàn thành công tác nghiệm thu, kiểm toán, thanh quyết toán dự án đầu tư và đưa vào sử dụng.

- Dự án xây dựng sân bãi chứa chai kết rỗng: Đã hoàn thành công tác nghiệm thu, kiểm toán, thanh quyết toán dự án đầu tư và đưa vào sử dụng.

- Dự án Đầu tư Hệ thống điện năng lượng mặt trời công suất 1MWp tại Nhà máy Bia Sài Gòn – Sông Lam: Đã được Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Sông Lam phê duyệt chủ trương đầu tư, kế hoạch lựa chọn nhà thầu và Báo cáo kinh tế kỹ thuật (thời gian hoàn thành quý IV năm 2020). Đã ký hợp gói thầu thi công Hệ thống điện năng lượng mặt trời công suất 1MWp tại Nhà máy Bia Sài Gòn – Sông Lam và dự kiến hoàn thành trong quý II năm 2021.

- Dự án xây dựng Nhà văn phòng: Đã được Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Sông Lam phê duyệt chủ trương đầu tư, kế hoạch lựa chọn nhà thầu và Báo cáo kinh tế kỹ thuật (thời gian hoàn thành quý IV năm 2020) theo kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2020 đã được phê duyệt. Đang lập hồ sơ mời thầu gói thầu thi công cung cấp thiết bị, lắp đặt và xây dựng Nhà văn phòng.

- Dự án Đầu tư 1 phần đường nội bộ và thoát nước khu vực Văn phòng công chính phía Nam là phần hạ tầng xung quanh Nhà văn phòng, nên sẽ được triển khai đồng bộ cùng Dự án xây dựng Nhà văn phòng.

- Dự án đầu tư Xây dựng Hàng rào tạm khu đất 46 hộ dân giải tỏa sẽ triển khai thực hiện sau khi UBND tỉnh bàn giao khu đất 46 hộ dân.

- Dự án đầu tư mái che sân chứa chai kết rỗng dự kiến triển khai quý I năm 2021 và hoàn thành quý II năm 2021. (Diện tích 2500 m², trên nền diện tích sân chứa chai kết rỗng hiện có của nhà máy sẽ giảm được chi phí Xử lý nền móng. Để cải thiện chất lượng chai trước khi đưa vào sử dụng tiết giảm chi phí rửa chai kết cũng như chai kết rỗng được bảo quản tốt hơn tránh mưa nắng cục đoạn tại khu vực.)

4. Tình hình tài chính

| Chỉ tiêu | Năm 2019 | Năm 2020 | % tăng giảm |
|-----------------------------------|-----------------|-----------------|-------------|
| Tổng giá trị tài sản | 781,764,293,739 | 679,458,698,647 | 87% |
| Doanh thu thuần | 960,833,511,473 | 700,309,398,273 | 73% |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 89,300,347,985 | 38,912,466,792 | 44% |
| Lợi nhuận khác | 612,660,064 | 567,238,852 | 93% |
| Lợi nhuận trước thuế | 89,913,008,049 | 39,479,705,644 | 44% |
| Lợi nhuận sau thuế | 68,561,332,839 | 34,001,765,994 | 50% |
| Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức | 13% | | |

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

| Chỉ tiêu | ĐVT | Năm 2019 | Năm 2020 | Ghi chú |
|------------------------------------|-----|----------|----------|---------|
| 1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | | |
| + Hệ số thanh toán ngắn hạn | Lần | 0.83 | 0.99 | |
| + Hệ số thanh toán nhanh: | Lần | 0.50 | 0.63 | |
| 2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | | |
| + Hệ số Nợ/Tổng tài sản | % | 33.70 | 28.14 | |
| + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | % | 50.83 | 39.16 | |
| 3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | | |

| Chỉ tiêu | ĐVT | Năm 2019 | Năm 2020 | Ghi chú |
|---|-----|----------|----------|---------|
| + Vòng quay hàng tồn kho: | | | | |
| Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân | Lần | 9.84 | 8.27 | |
| + Vòng quay tổng tài sản: | | | | |
| Doanh thu thuần/Tổng tài sản | Lần | 1.23 | 1.03 | |
| 4: Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | | | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | % | 7.14 | 4.86 | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu | % | 13.23 | 6.96 | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản | % | 8.21 | 5.00 | |
| + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần | % | 9.29 | 5.56 | |

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phiếu của công ty: 45.000.000 CP.
- Loại cổ phiếu đang lưu hành: Cổ phiếu phổ thông.
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 0 CP.
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật: 0 CP.

b) Cơ cấu cổ đông:

- Phân loại theo tỷ lệ sở hữu:

+ Cổ đông lớn: Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn chiếm 30,950,000 cổ phần ứng với tỷ lệ 68.78%.

+ Cổ đông nhỏ: 14,050,000 cổ phần tương ứng với tỷ lệ 31.22%

- Phân loại theo cổ đông là tổ chức và cá nhân:

+ Cổ đông là tổ chức chiếm 33,994,067 cổ phần tương ứng 75,54%

+ Cổ đông cá nhân chiếm 11,005,933 cổ phần ứng với tỷ lệ 24,46%

- Phân loại theo cổ đông nước ngoài:

+ Cổ đông nước ngoài chiếm 21,100 cổ phần ứng với tỷ lệ 0.05%

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không.

e) Các chứng khoán khác: Không.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty.

6.1 Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm.

- Malt: 9.169.473 kg
- Gạo: 2.430.718 kg
- Hoa cao houblon: 2.659 kga
- Lon rỗng: 176.039.235 cái tương đương 1.866 tấn (trung bình 10.6g/ lon rỗng)

- Thùng giấy: 7.337.009 thùng trong đưng 1357,35 tấn (trung bình 185g/ thùng giấy).

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không có.

6.2 Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp.

- Điện: 8.924.617 kWh

- Hơi bão hòa: 24.732 tấn.

b) Các biện pháp nhằm tiết kiệm năng lượng đã được thực hiện tại nhà máy như: Quản lý giám sát chặt chẽ việc tiêu thụ năng lượng từ đó đưa ra các biện pháp giảm hao phí, tiết kiệm năng lượng hiệu quả, lắp đặt đồng hồ đo điện tại từng phân xưởng, lắp đặt Biến tần cho các động cơ, sử dụng đèn Led tiết kiệm điện thay thế cho đèn Halogen, lắp đặt áo nhiệt cho hệ thống hơi nóng nhằm tiết kiệm hơi nóng,... Thông qua việc giám sát sử dụng năng lượng, tiết giảm hao phí và áp dụng các biện pháp sử dụng năng lượng hiệu quả, công ty đã thực hiện giảm được định mức sử dụng năng lượng so với 2019.

6.3 Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm 2020)

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng.

Nguồn cấp nước thô cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty là nguồn nước từ kênh Đào và các nhà cung cấp nước trên địa bàn. Tổng lượng nước sinh hoạt đưa vào sử dụng năm 2020 là 367.724 m³.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Nước tái sử dụng từ nước thải đã được xử lý dùng để tưới cây, có: 100 m³ chiếm 0,027%.

6.4 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

6.5 Chính sách liên quan đến người lao động:

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

- Số lượng lao động năm 2020 là 201 người trong đó lao động nữ 61 người.

- Mức lương trung bình đối với người lao động là 10.8 triệu đồng/ tháng. Người lao động có việc làm ổn định thường xuyên.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- Ngoài chính sách việc làm thường xuyên, thu nhập ổn định cho người lao động, chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn, phúc lợi cho người lao động luôn được chú trọng.

- Người lao động làm việc tại các phân xưởng được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động theo quy định; tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho người lao động. Các hoạt động tặng quà CBCNV các ngày lễ, thăm hỏi kịp thời đời sống của người lao động... luôn được duy trì và phát huy qua các năm. Chi phí lợi chăm lo đời sống người lao động năm 2020 là 3.93 tỷ đồng.

c) Hoạt động đào tạo người lao động:

- Công ty tổ chức các khóa đào tạo về an toàn lao động, vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy; cử cán bộ quản lý đi tham dự các khóa bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ chuyên sâu về quản lý sản xuất, kinh doanh thị trường, kỹ thuật công nghệ, thiết bị, công nghệ thông tin và

tài chính kế toán. Trong thời gian học tập, người lao động được hưởng nguyên lương, được đảm bảo các quyền lợi khác.

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên. Số giờ đào tạo năm 2020: 5.6 giờ/ người.

III. Báo cáo đánh giá của Ban giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

| TT | Chỉ tiêu | ĐVT | Thực hiện 2019 | Kế hoạch 2020 | Thực hiện 2020 | Tỷ lệ TH2020/ TH2019 | Tỷ lệ TH2020/ KH2020 |
|----|---------------------------------|----------|----------------|---------------|----------------|----------------------|----------------------|
| 1 | Sản lượng tiêu thụ | 1000 lít | 102,141 | 90,000 | 75,983 | 74% | 84% |
| 2 | Tổng doanh thu | Tỷ đồng | 1,892.39 | 1,539.08 | 1,420.67 | 75% | 92% |
| 3 | Tổng chi phí | Tỷ đồng | 1,802.48 | 1,491.46 | 1,381.19 | 77% | 93% |
| 4 | Tổng số thuế phải nộp ngân sách | Tỷ đồng | 1,067.13 | 860.37 | 814.86 | 76% | 95% |
| 5 | Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | 89.91 | 47.62 | 39.48 | 44% | 83% |

Trong năm qua, Công ty không hoàn thành vượt mức kế hoạch lợi nhuận đã đề ra.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

- Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản, nợ phải thu xấu, tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh).

| Stt | NỘI DUNG | NĂM 2019 | | NĂM 2020 | | CHÊNH LỆCH | |
|-----|------------------------------------|-----------------|-------|-----------------|-------|-------------------|-------|
| | | Giá trị | Tỷ lệ | Giá trị | Tỷ lệ | Số tuyệt đối | Tỷ lệ |
| I | Tài sản ngắn hạn | 218,590,766,332 | 28% | 187,973,676,734 | 28% | (30,617,089,598) | -14% |
| 1 | Tiền và các khoản tương đương tiền | 13,608,853,476 | 6% | 32,255,619,506 | 17% | 18,646,766,030 | 137% |
| 2 | Khoản phải thu ngắn hạn | 39,186,732,203 | 18% | 26,969,839,771 | 14% | (12,216,892,432) | -31% |
| 3 | Đầu tư Tài chính ngắn hạn | 80,000,000,000 | 37% | 60,000,000,000 | 32% | (20,000,000,000) | -25% |
| 4 | Tài sản ngắn hạn khác | 542,471,779 | 0% | 579,287,322 | 0% | 36,815,543 | 7% |
| 3 | Hàng tồn kho | 85,252,708,874 | 39% | 68,168,930,135 | 36% | (17,083,778,739) | -20% |
| II | Tài sản dài hạn | 563,173,527,407 | 72% | 491,485,021,913 | 72% | (71,688,505,494) | -13% |
| 1 | TSCĐ | 545,067,196,436 | 97% | 475,006,412,120 | 97% | (70,060,784,316) | -13% |
| 2 | 3. Tài sản dài hạn khác | 14,942,036,971 | 3% | 15,886,109,793 | 3% | 944,072,822 | 6% |
| | Tổng TS | 781,764,293,739 | | 679,458,698,647 | | (102,305,595,092) | -13% |

Tổng tài sản năm 2020 giảm 102.31 tỷ đồng so với năm 2019, trong đó tài sản dài hạn giảm 13% tương ứng với 71.7 tỷ đồng mà tài sản cố định giảm do lũy kế khấu hao tăng lên nên không ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Trong khi đó tài sản ngắn hạn tăng 16 tỷ đồng (8%) so với năm 2018 do trong năm 2019 công ty đã cân đối tốt dòng tiền nên tiền vay giảm đồng thời có tiền gửi tiết kiệm cao hơn so với năm 2018 là 48 tỷ đồng; phải thu ngắn hạn giảm và hàng tồn kho năm 2019 đáng kể so với năm 2018. Công ty không có khoản nợ phải thu khó đòi cũng như tất cả các tài sản của doanh nghiệp vẫn trong tình trạng hoạt động tốt.

b) Tình hình nợ phải trả

| ST T | NỘI DUNG | NĂM 2019 | | NĂM 2020 | | CHÊNH LỆCH | |
|---------|--------------------|-----------------|-------|-----------------|-------|-----------------|-------|
| | | Giá trị | Tỷ lệ | Giá trị | Tỷ lệ | Số tuyệt đối | Tỷ lệ |
| 1 | Nợ ngắn hạn | 263,119,038,658 | 34% | 190,724,824,355 | 28% | -72,394,214,303 | -28% |
| 1,1 | Phải trả người bán | 29,572,133,617 | 4% | 9,804,967,341 | 1% | -19,767,166,276 | -67% |
| 1,2 | Vay ngắn hạn | 118,766,311,328 | 15% | 67,230,221,922 | 10% | -51,536,089,406 | -43% |
| 2 | Nợ dài hạn | 320,000,000 | 0% | 492,000,000 | 0% | 172,000,000 | 54% |

4. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Đề xuất nhiều giải pháp, sáng kiến cải tiến kỹ thuật thiết bị và công nghệ áp dụng vào sản xuất góp phần giảm thiểu chi phí và nhân công lao động.
- Với dây chuyền suất khép kín, hiện đại, tự động hóa cao
- Triển khai và ứng dụng phần mềm trong quản lý sản xuất, quản lý kinh doanh, quản lý.

5. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Phối hợp với Công ty Thương mại và các sở ban ngành địa phương nhằm tăng tiêu thụ sản phẩm tại chỗ, giảm thiểu chi phí vận chuyển, tăng lợi nhuận.
- Tích cực tham gia các hoạt động an sinh xã hội.
- Ứng dụng khoa học kỹ thuật, các phần mềm quản lý sản xuất vào quá trình để nâng cao chất lượng sản phẩm.
- Khai thác tối ưu nguồn nhân lực hiện có, đảm bảo chất lượng sản phẩm khi xuất ra thị trường. Thực hiện tiết kiệm, đảm bảo hiệu quả năng suất, an toàn lao động gắn liền với bảo vệ môi trường.

6. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:

Không có ý kiến kiểm toán ngoại trừ.

7. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường:

- Tiêu thụ nước: Nhà máy khai thác xử lý nước phục vụ cho sản xuất, sinh hoạt từ nguồn nước mặt của sông Đào và các nhà cung cấp nước trên địa bàn. Năm 2020, khối lượng khai thác là 405.609 m³ với lưu lượng khai thác trung bình là 1.111 m³/ ngày đêm.
- Năng lượng: Tiết kiệm năng lượng là một trong những yếu tố được công ty chú trọng nhằm nâng cao hiệu quả, tiết giảm chi phí sản xuất, năm 2020 công ty đã thực hiện kiểm soát sử dụng năng lượng theo định mức đã đề ra. Năm 2020 công ty tiêu thụ 8,92 triệu kWh điện năng.

- Hệ thống lò hơi chính của nhà máy sử dụng công nghệ Biomass với nguồn nguyên liệu chính là mùn cưa. Lò hơi đốt dầu chỉ sử dụng để phòng ngừa sự cố nên lượng dầu tiêu thụ là không lớn.

- Phát thải: Hệ thống xử lý chất thải (nước thải, khí thải) tại nhà máy được đầu tư đồng bộ với thiết bị công nghệ hiện đại, tiên tiến nên luôn đảm bảo chất lượng trước khi xả thải ra môi trường. Các thông số phân tích chất lượng nước thải sau khi xử lý của Công ty đảm bảo đạt quy chuẩn cột A-QCVN 40:2011/BTNMT và khí thải đạt tiêu chuẩn theo quy chuẩn cột B-QCVN 19:2009/BTNMT.

- Theo giấy phép xả thải, công ty được phép xả thải tối đa 2.500 m³/ ngày đêm. Năm 2020 lưu lượng xả thải trung bình tại nhà máy khoảng 733 m³/ngày đêm, chất lượng nước thải đầu ra luôn được giám sát liên tục qua hệ thống quan trắc tự động. Việc xả nước thải vào nguồn nước tiếp nhận tại sông Kê Gai không gây tác động xấu đến mục tiêu chất lượng của nguồn nước tiếp nhận cũng như các tác động xấu khác. Công ty luôn thực hiện quản lý chất thải rắn, chất thải công nghiệp, chất thải nguy hại theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành.

- Công ty luôn luôn thực hiện đúng, đầy đủ, kịp thời các nghĩa vụ, trách nhiệm đối với môi trường như bảo vệ môi trường, đóng các khoản thuế phí như: khai thác nước mặt, phí xả thải vào môi trường, phí dịch vụ tài nguyên rừng...

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

- Ngoài việc thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật Nhà nước đối với người lao động, Công ty luôn chú trọng nâng cao hơn nữa trách nhiệm của công ty đối với người lao động. Người lao động được hưởng thêm các quyền lợi được quy định trong thỏa ước lao động tập thể.

- Hàng năm đều trích lập các quỹ chăm lo đời sống người lao động: tổ chức thăm hỏi tặng quà nhân các ngày lễ trong năm, chi trợ cấp khó khăn cho CBCNV, tặng quà đối tượng CBCNV nhân các ngày lễ kỷ niệm, chăm lo đời sống người lao động, tổ chức đi tham quan nghỉ mát hàng năm và tổ chức các hoạt động phong trào.

- Chế độ khen thưởng được thực hiện đầy đủ

- Hàng năm công ty đều tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao cho CBCNV. Công ty đã làm 01 sân bóng đá, bố trí kết hợp các sân chơi cầu lông, bóng bàn nhằm tạo dựng không khí vui chơi giải trí lành mạnh cho CBCNV sau giờ làm việc, sản xuất.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

- Công ty Cổ phần Bía Sài Gòn - Sông Lam luôn coi trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp là cam kết của doanh nghiệp đóng góp cho việc phát triển kinh tế bền vững, thông qua việc tuân thủ chuẩn mực về bảo vệ môi trường, bình đẳng giới, an toàn lao động, quyền lợi lao động, trả lương công bằng, đào tạo và phát triển nhân viên, phát triển cộng đồng, bảo đảm chất lượng sản phẩm... theo cách có lợi cho cả doanh nghiệp cũng như phát triển chung của xã hội.

- Bên cạnh đó, đơn vị luôn quan tâm thực hiện tốt công tác tuyên truyền, giáo dục, phổ biến pháp luật đối với người lao động trong toàn đơn vị, từ đó hình thành được ý thức từ mỗi người lao động về hoạt động công tác xã hội từ thiện, đền ơn đáp nghĩa, xóa đói giảm nghèo, tương thân tương ái trong cộng đồng, chung tay vì cộng đồng đây là nghĩa vụ đồng thời cũng là một nét văn hóa của CBCNV Công ty.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty.

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.

- Trong thời gian qua, Công ty đã thực sự tập trung, thể hiện trách nhiệm với cộng đồng, cụ thể là trên địa bàn tỉnh Nghệ An. Không chỉ vậy, công ty còn thực hiện tốt công tác tuyên truyền, lan rộng trách nhiệm đó đến với người lao động trong toàn đơn vị, thực hiện công tác xã hội từ thiện, đền ơn đáp nghĩa, xóa đói giảm nghèo, chung tay vì cộng đồng. Hội đồng quản trị công ty đánh giá cao và mong muốn những cam kết, những trách nhiệm cộng đồng của công ty được phát huy và ngày càng lớn mạnh hơn nữa.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

- Hội đồng quản trị (HDQT) đã thường xuyên giám sát việc thực hiện các Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, đồng thời Giám sát hoạt động của Ban Giám đốc. Trong thời gian qua, Ban Giám đốc và các bộ phận tham mưu đã tổ chức đánh giá, phân tích dự báo tình hình hoạt động kinh doanh theo từng tháng, quý để HDQT có biện pháp chỉ đạo kịp thời cho Ban Giám đốc. Ban Giám đốc đã huy động có hiệu quả các nguồn lực của Công ty, kiểm tra thường xuyên hiệu quả công việc của các phòng ban để nắm bắt thông tin, có biện pháp hỗ trợ, chỉ đạo kịp thời giúp cho Công ty vượt qua giai đoạn khó khăn và chuẩn bị các điều kiện tốt nhất khi nền kinh tế hồi phục. Thường xuyên rà soát, đánh giá hiệu quả sử dụng vốn trong hoạt động kinh doanh nhằm đạt được hiệu quả sử dụng vốn cao nhất. Ban Giám đốc Công ty thể hiện tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, có sự phân công phân nhiệm rõ ràng. Các buổi họp giao ban được duy trì hàng tuần, quản lý và điều hành Công ty theo đúng qui định của pháp luật. Chỉ đạo và điều hành đảm bảo nguyên tắc tập trung dân chủ, bàn bạc và quyết định công việc công khai, minh bạch, tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Tăng cường quản trị công ty, tiếp tục thực hiện các chiến lược phát triển trung và dài hạn của công ty, bám sát định hướng do Sabeco đề ra để có những kế hoạch kinh doanh phù hợp, phát huy năng lực sản xuất nhằm đáp ứng đầy đủ nhu cầu, mong muốn của thị trường vào bất kỳ thời điểm nào, đa dạng hóa chủng loại bao bì sản phẩm, đầu tư phát triển mặt hàng mới. Kiện toàn bộ máy tổ chức, chú trọng công tác quản trị nguồn nhân lực và xây dựng đội ngũ cán bộ kế thừa. Tăng cường công tác quản lý chi phí và quản trị rủi ro. Đánh giá, xem xét hiệu quả sử dụng vốn.

IV. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

| Stt | Họ và tên | Chức vụ | Năm sinh | Trình độ chuyên môn | Tỷ lệ % sở hữu |
|-----|------------------|--|------------|--------------------------------|----------------|
| 1 | Nguyễn Tiến Dũng | Chủ tịch Hội đồng Quản trị | 21/1/1973 | Cử nhân kinh tế | 0% |
| 2 | Văn Thanh Liêm | Thành viên Hội đồng Quản trị | 07/07/1950 | Cử nhân kinh tế | 0,41% |
| 3 | Cao Thanh Bích | Thành viên Hội đồng Quản trị | 06/12/1949 | Kỹ sư | 0% |
| 4 | Nguyễn Hồng Anh | Thành viên Hội đồng Quản trị/ Phó Giám đốc | 29/4/1968 | Cử nhân kinh tế | 0.11% |
| 5 | Võ Hải Thanh | Thành viên Hội đồng Quản trị/ Giám đốc | 05/05/1969 | Kỹ sư cơ khí – Cử nhân kinh tế | 0,438% |

b) Các tiêu bản thuộc Hội đồng quản trị: Không có

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2020, Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện 13 phiên họp, ban hành Nghị quyết để chỉ đạo hoạt động của Công ty, cụ thể như sau:

| STT | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày | Nội dung |
|-----|------------------------------|------------|---|
| 1 | Số 01/2020/NQ- HĐQT | 07/02/2020 | Nghị quyết về việc triển khai tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 |
| 2 | Số 02/2020/NQ- HĐQT | 07/03/2020 | Nghị quyết thông qua đề nghị của Giám đốc Công ty về việc phê duyệt chủ trương đầu tư thực hiện dự án đầu tư hệ thống điện mặt trời áp mái. |
| 3 | Số 03/2020/NQ- HĐQT | 19/03/2020 | Nghị quyết thông qua việc hủy danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2020; Hoàn ngày tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 |
| 4 | Số 04/2020/NQ- HĐQT | 05/05/2020 | Nghị quyết về việc triển khai tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 |
| 5 | Số 05/2020/NQ- HĐQT | 13/05/2020 | Nghị quyết thông qua đề nghị của Giám đốc Công ty về việc phê duyệt thành lập tổ thẩm định thực hiện dự án đầu tư hệ thống điện mặt trời áp mái. |
| 6 | Số 06/2020/NQ- HĐQT | 22/05/2020 | Nghị quyết thông qua đề nghị của Giám đốc Công ty về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu thuộc dự án đầu tư hệ thống điện mặt trời áp mái. |
| 7 | Số 07/2020/NQ- HĐQT | 06/06/2020 | Nghị quyết thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020. |
| 8 | Số 7/2020/NQ- HĐQT | 06/07/2020 | Nghị quyết thông qua việc chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức bằng tiền năm 2019 |
| 9 | Số 9/2020/NQ- HĐQT | 31/7/2020 | Nghị quyết Thông qua nâng mức chi trả tiền lương kiêm nhiệm cho Ông Hoàng Lâm Hòa. |
| 10 | Số 10/2020/NQ- HĐQT | 06/8/2020 | Nghị quyết thông qua đề nghị của Giám đốc Công ty tại Tờ trình số 33/2020Tr-BSGSL ngày 03 tháng 08 năm 2020 về việc Phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật dự án đầu tư hệ thống điện mặt trời áp mái |



| STT | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày | Nội dung |
|-----|------------------------------|------------|---|
| 11 | Số 11/2020/NQ- HĐQT | 07/8/2020 | Nghị quyết thông qua đề nghị của Giám đốc Công ty tại tờ trình số 32A/2020/Ttr-BSGSL về việc phê duyệt vay vốn bảo lãnh, bảo đảm cấp tín dụng tại Ngân hàng Vietinbank chi nhánh 4 - HCM |
| 12 | Số 12/2020/NQ- HĐQT | 20/08/2020 | Nghị quyết thông qua đề nghị của Giám đốc Công ty tại tờ trình số 37/2020/Ttr-BSGSL về việc phê duyệt vay vốn bảo lãnh, bảo đảm cấp tín dụng tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam (VIB) chi nhánh Vinh. |
| 13 | Số 13/2020/NQ- HĐQT | 15/09/2020 | Nghị quyết thông qua Chốt danh sách cổ đông để tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2020 (Dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản). Điều chỉnh kế hoạch tiền lương, thù lao, tiền thưởng năm 2020 của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát. Ngày chốt danh sách cổ đông (ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền) 10/09/2020; Thời hạn cuối cùng để nhận phiếu lấy ý kiến cổ đông: 28/09/2020; Địa điểm: Trụ sở Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam Khôi I Xã Hưng Đạo, Huyện Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An. |
| 14 | Số 14/2020/NQ- HĐQT | 22/9/2020 | Nghị quyết thông qua Tờ trình số 40/2020/Ttr-BSGSL về việc chi thưởng bổ sung năm 2019 Phê duyệt ngân sách thưởng bổ sung năm 2019 tối đa của công ty: 2.143.280.941 đồng Nguồn chi thưởng bổ sung năm 2019: Quỹ tiền lương còn lại năm 2019 (chênh lệch quỹ tiền lương kế hoạch năm 2019 đã được ĐHĐCĐ thông qua so với quỹ tiền lương quyết toán năm 2019 của toàn hệ thống SABECO). Thời gian chi trả thưởng bổ sung năm 2019: trong tháng 09 năm 2020. Ủy quyền cho Giám đốc công ty tổ chức thực hiện các nội dung trên. |
| 15 | Số 15/2020/NQ- HĐQT | 01/10/2020 | Nghị quyết thông qua bổ sung nội dung tổ chức ĐHĐCĐ bất thường năm 2020 |
| 16 | Số 16/2020/NQ- HĐQT | 15/10/2020 | Nghị quyết thông qua việc gia hạn thời gian nhận phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. |

| STT | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày | Nội dung |
|-----|------------------------------|------------|--|
| 17 | Số 17/2020/NQ- HĐQT | 14/11/2020 | Nghị quyết thông qua Phê duyệt đề nghị của Giám đốc Công ty tại Tờ trình số 44/2020Ttr-BSGSL ngày 04 tháng 11 năm 2020 về việc Phê duyệt chủ trương nhượng lại bao bì chai kết 355ml dự thừa không có nhu cầu sử dụng tại Nhà máy Bia Sài Gòn – Sông Lam |
| 18 | Số 18/2020/NQ- HĐQT | 24/11/2020 | Phê duyệt đề nghị của Giám đốc Công ty tại Tờ trình số 45/2020Ttr-BSGSL ngày 06 tháng 11 năm 2020 về việc Phê kế hoạch lựa chọn nhà thầu thuộc dự án đầu tư xây dựng Nhà văn phòng tại Nhà máy Bia Sài Gòn – Sông Lam |
| 19 | Số 19/2020/NQ- HĐQT | 19/12/2020 | Phê duyệt đề nghị của Giám đốc Công ty tại Tờ trình số 50/2020Ttr-BSGSL ngày 01 tháng 12 năm 2020 về việc Phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật thuộc dự án đầu tư xây dựng Nhà văn phòng tại Nhà máy Bia Sài Gòn – Sông Lam |

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập, hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có

e) Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ về đào tạo quản trị công ty: Không có

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

| Stt | Họ và tên | Chức vụ | Năm sinh | Trình độ chuyên môn | Tỷ lệ % sở hữu |
|-----|-------------------|-----------------------------------|------------|---------------------|----------------|
| 1 | Nguyễn Thanh Thủy | Trưởng Ban Kiểm soát chuyên trách | 12/05/1957 | Cử nhân Kinh tế | 0,033% |
| 2 | Đặng Hải Hà | Thành viên Ban Kiểm soát | 11/12/1977 | Cử nhân Kinh tế | 0% |
| 3 | Hoàng Thanh Vân | Thành viên Ban Kiểm soát | 12/04/1982 | Cử nhân Kinh tế | 0% |

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Xem xét, đánh giá hoạt động của Công ty trong suốt niên độ, liên quan đến việc thực hiện các kế hoạch tài chính và kế hoạch hoạt động năm 2020.

- Kiểm tra, soát xét các hồ sơ Đầu tư dự án, công tác tổ chức cán bộ, việc thực hiện chế độ chính sách đối với người lao động: thông qua việc tuân thủ quy chế phân phối tiền lương, xây dựng

kế hoạch quỹ lương 2020, việc thực hiện xếp hạng doanh nghiệp, việc chi trả tiền lương cho người lao động, việc thực hiện chế độ BHXH đối với người lao động.

- Kiểm tra công tác Tài chính, Kế toán: về quản lý hóa đơn bán hàng, quản lý hồ sơ chứng từ Kế toán, công tác quản lý bao bì chai kết.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích 2020:

| Đối tượng | Họ và tên | Thù lao | Lương | Tổng cộng |
|-------------------|-------------------|--------------------|----------------------|----------------------|
| Hội đồng quản trị | Nguyễn Tiến Dũng | 161,280,000 | | 161,280,000 |
| | Văn Thanh Liêm | 107,520,000 | | 107,520,000 |
| | Võ Hải Thanh | 107,520,000 | | 107,520,000 |
| | Cao Thanh Bích | 107,520,000 | | 107,520,000 |
| | Nguyễn Hồng Anh | 107,520,000 | | 107,520,000 |
| Ban Kiểm soát | Hoàng Thanh Vân | 67,200,000 | | 67,200,000 |
| | Đặng Hải Hà | 67,200,000 | | 67,200,000 |
| | Nguyễn Thanh Thủy | | 283,880,000 | 283,880,000 |
| Ban điều hành | Võ Hải Thanh | | 635,000,000 | 635,000,000 |
| | Nguyễn Hồng Anh | | 509,600,000 | 509,600,000 |
| | Hoàng Lâm Hòa | | 196,100,000 | 196,100,000 |
| | Văn Bá Thi | | 446,900,000 | 446,900,000 |
| Tổng cộng | | 725,760,000 | 2,071,480,000 | 2,797,240,000 |

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

| STT | Mối quan hệ liên quan với Công ty | Số giấy NSH* ngày cấp nơi cấp NSH | Tên tổ chức/cá nhân | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Thời điểm giao dịch với Công ty | Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ thông qua | Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch |
|-----|-----------------------------------|---|--|--|---------------------------------|---|--|
| 1 | Cổ đông lớn | 0300583659 Đăng ký lần đầu 17/04/2008 thay đổi lần thứ 10 ngày 18/05/2020 Sở KHĐT TP. HCM | Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát - Sài Gòn | 187 Nguyễn Chí Thanh, phường 12, Quận 5, TP. HCM | 01/01/2020 | 13/06/2020 | Mua hàng hóa 468.7 tỷ đồng |
| 2 | Người có liên quan của | 3001650260 Sở KHĐT Hà Tĩnh | Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh | Km 12 đường tránh Thành phố Hà Tĩnh, Xã | 2020 | | Mua hàng hóa 910,5 triệu đồng |

| | | | | | | | |
|---|--|---|--|---|------|--|--------------------------------|
| | người nội bộ | | | Thạch Tân, Huyện Thạch Hà, Hà Tĩnh | | | |
| 3 | Người có liên quan của người nội bộ | 303140574 21/01/2015 Sở KHĐT TPHCM | Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn | 12 Đông Du, P.Bến Nghé, Q.1, Tp.Hồ Chí Minh | 2020 | | Mua hàng hóa 1.5 tỷ đồng |

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

- Thực hiện công bố đầy đủ và đúng hạn các Báo cáo quản trị, Báo cáo thường niên và các thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị công ty cho cổ đông và công chúng theo đúng quy định của pháp luật.

- Các quy định về quản trị nội bộ Công ty được cập nhật theo quy định mới nhất của Pháp luật hiện hành

- Điều lệ Công ty và các văn bản pháp luật có liên quan luôn được cập nhật kịp thời và chuẩn hóa nhằm đảm bảo đầy đủ các yêu cầu tuân thủ quy định và đảm bảo lợi ích cao nhất cho các cổ đông.

V. Báo cáo tài chính:

Báo cáo tài chính đã kiểm toán đính kèm.

Nơi nhận:

- UBCK NN;
- Sở GD&ĐT HN;
- Lưu VT.



Võ Hải Thanh





Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sóng Lam

**Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2020**



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận Đầu tư số 271110000018 ngày 7 tháng 12 năm 2007

Giấy chứng nhận đầu tư do Ủy ban Nhân Dân Tỉnh Nghệ An cấp và có giá trị trong 50 năm kể từ ngày cấp giấy chứng nhận đầu tư đầu tiên.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 2703001077 ngày 20 tháng 12 năm 2006
2900783332 ngày 26 tháng 9 năm 2016

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 2900783332 ngày 26 tháng 9 năm 2016. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đầu tiên và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp.

Hội đồng Quản trị

| | |
|----------------------|------------|
| Ông Nguyễn Tiến Dũng | Chủ tịch |
| Ông Văn Thanh Liêm | Thành viên |
| Ông Cao Thanh Bích | Thành viên |
| Ông Võ Hải Thanh | Thành viên |
| Ông Nguyễn Hồng Anh | Thành viên |

Ban Kiểm soát

| | |
|----------------------|------------|
| Bà Nguyễn Thanh Thủy | Trưởng ban |
| Bà Hoàng Thanh Vân | Thành viên |
| Ông Đặng Hải Hà | Thành viên |

Ban Giám đốc

| | |
|---------------------|--------------|
| Ông Võ Hải Thanh | Giám đốc |
| Ông Nguyễn Hồng Anh | Phó Giám đốc |
| Ông Hoàng Lâm Hòa | Phó Giám đốc |

Trụ sở đăng ký

Khởi 1, Xã Hưng Đạo
Huyện Hưng Nguyên
Tỉnh Nghệ An
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 30 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.



Thay mặt Ban Giám đốc

Võ Hải Thanh
Giám đốc

Nghệ An, ngày 10 tháng 3 năm 2021



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward,
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 10 tháng 3 năm 2021, được trình bày từ trang 5 đến trang 30.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh



Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 20-01-00254-21-2

Hà Vũ Đình
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0414-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Nghi
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0304-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 3 năm 2021

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 01 - DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2020 VND | 1/1/2020 VND (Phân loại lại) |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------------------|
| TÀI SẢN | | | | |
| Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150) | 100 | | 187.973.676.734 | 211.107.082.960 |
| Tiền | 110 | 6 | 32.255.619.506 | 13.608.853.476 |
| Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 60.000.000.000 | 80.000.000.000 |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | 7 | 60.000.000.000 | 80.000.000.000 |
| Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 26.969.839.771 | 39.186.732.203 |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 8 | 24.862.652.389 | 37.980.039.856 |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | | 626.820.000 | 890.998.440 |
| Phải thu ngắn hạn khác | 136 | | 1.577.867.382 | 413.193.907 |
| Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | | (97.500.000) | (97.500.000) |
| Hàng tồn kho | 140 | 9(a) | 68.168.930.135 | 77.769.025.502 |
| Hàng tồn kho | 141 | | 70.642.422.232 | 81.053.685.792 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | (2.473.492.097) | (3.284.660.290) |
| Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 579.287.322 | 542.471.779 |
| Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | 579.287.322 | 542.471.779 |
| Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 260) | 200 | | 491.485.021.913 | 570.657.210.779 |
| Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 30.000.000 | 30.000.000 |
| Phải thu dài hạn khác | 216 | | 30.000.000 | 30.000.000 |
| Tài sản cố định | 220 | | 475.006.412.120 | 545.067.196.436 |
| Tài sản cố định hữu hình | 221 | 10 | 474.906.399.750 | 545.067.196.436 |
| Nguyên giá | 222 | | 1.276.537.420.925 | 1.269.224.518.816 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (801.631.021.175) | (724.157.322.380) |
| Tài sản cố định vô hình | 227 | 11 | 100.012.370 | - |
| Nguyên giá | 228 | | 203.930.000 | 91.650.000 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (103.917.630) | (91.650.000) |
| Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 562.500.000 | 3.134.294.000 |
| Xây dựng cơ bản dở dang | 242 | 12 | 562.500.000 | 3.134.294.000 |
| Tài sản dài hạn khác | 260 | | 15.886.109.793 | 22.425.720.343 |
| Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 13 | 6.824.893.646 | 14.942.036.971 |
| Tài sản thuê thu nhập hoãn lại | 262 | | 2.512.245.150 | - |
| Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | 9(b) | 6.548.970.997 | 7.483.683.372 |
| TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200) | 270 | | 679.458.698.647 | 781.764.293.739 |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bía Sài Gòn - Sông Lam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 01 - DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2020 VND | 1/1/2020 VND (Phân loại lại) |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------------------|
| NGUỒN VỐN | | | | |
| NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330) | 300 | | 191.216.824.355 | 263.439.038.658 |
| Nợ ngắn hạn | 310 | | 190.724.824.355 | 262.947.038.658 |
| Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 14 | 9.804.967.341 | 29.572.133.617 |
| Thuế phải nộp Nhà nước | 313 | 15 | 97.197.466.656 | 88.042.315.108 |
| Phải trả người lao động | 314 | | 2.284.679.837 | 4.953.439.421 |
| Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | 16 | 6.476.564.077 | 9.497.584.693 |
| Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 17 | 1.576.021.060 | 4.258.163.693 |
| Vay ngắn hạn | 320 | 18 | 67.230.221.922 | 118.766.311.328 |
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | 19 | 6.154.903.462 | 7.857.090.798 |
| Nợ dài hạn | 330 | | 492.000.000 | 492.000.000 |
| Phải trả dài hạn khác | 337 | | 320.000.000 | 320.000.000 |
| Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | 172.000.000 | 172.000.000 |
| VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410) | 400 | | 488.241.874.292 | 518.325.255.081 |
| Vốn chủ sở hữu | 410 | 20 | 488.241.874.292 | 518.325.255.081 |
| Vốn cổ phần | 411 | 21 | 450.000.000.000 | 450.000.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 450.000.000.000 | 450.000.000.000 |
| Quỹ đầu tư phát triển | 418 | 23 | 6.516.196.015 | 6.516.196.015 |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 31.725.678.277 | 61.809.059.066 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước | 421a | | 3.923.220.383 | 1.320.522.827 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay | 421b | | 27.802.457.894 | 60.488.536.239 |
| TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400) | 440 | | 679.458.698.647 | 781.764.293.739 |

Ngày 10 tháng 3 năm 2021

Người lập:



Văn Bá Thi
 Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Võ Hải Thanh
 Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

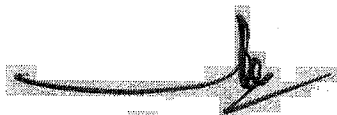
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 02 - DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | 2020 VND | 2019 VND |
|--|-----------|-------------|------------------------|------------------------|
| Doanh thu bán hàng | 01 | 25 | 700.309.398.273 | 960.833.511.473 |
| Giá vốn hàng bán | 11 | 26 | 634.603.394.080 | 839.230.002.949 |
| Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11) | 20 | | 65.706.004.193 | 121.603.508.524 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | | 5.915.041.764 | 3.617.220.258 |
| Chi phí tài chính | 22 | | 7.111.420.994 | 9.952.360.490 |
| Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | 7.111.420.396 | 9.952.360.490 |
| Chi phí bán hàng | 25 | | 976.819.134 | 1.404.493.820 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 27 | 24.620.339.037 | 24.563.526.487 |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)) | 30 | | 38.912.466.792 | 89.300.347.985 |
| Thu nhập khác | 31 | | 582.186.556 | 614.415.796 |
| Chi phí khác | 32 | | 14.947.704 | 1.755.732 |
| Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32) | 40 | | 567.238.852 | 612.660.064 |
| Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40) | 50 | | 39.479.705.644 | 89.913.008.049 |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 29 | 7.990.184.800 | 21.351.675.210 |
| Lợi ích thuế TNDN hoãn lại | 52 | 29 | (2.512.245.150) | |
| Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) | 60 | | 34.001.765.994 | 68.561.332.839 |
| Lãi trên cổ phiếu | | | | |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 30 | 620 | 1.350 |

Ngày 10 tháng 3 năm 2021

Người lập:



Văn Bá Thi
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Văn Hải Thanh
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 - DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | 2020 VND | 2019 VND |
|--|-----------|----------------|------------------------|-------------------------|
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | | |
| Lợi nhuận kế toán trước thuế | 01 | | 39.479.705.644 | 89.913.008.049 |
| Điều chỉnh cho các khoản | | | | |
| Khấu hao và phân bổ | 02 | | 77.485.966.425 | 77.069.371.501 |
| Các khoản dự phòng | 03 | | (1.653.346.783) | 14.214.572.537 |
| Thu nhập lãi tiền gửi | 05 | | (5.915.041.764) | (3.607.706.633) |
| Chi phí lãi vay | 06 | | 7.111.420.396 | 9.952.360.490 |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động | 08 | | 116.508.703.918 | 187.541.605.944 |
| Biến động các khoản phải thu | 09 | | 13.057.125.552 | 25.568.764.520 |
| Biến động hàng tồn kho | 10 | | 12.188.154.525 | (11.992.733.761) |
| Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác | 11 | | (12.377.357.133) | 2.931.840.371 |
| Biến động chi phí trả trước | 12 | | 8.080.327.782 | 3.609.221.518 |
| | | | 137.456.954.644 | 207.658.698.592 |
| Tiền lãi vay đã trả | 14 | | (7.200.304.011) | (10.069.915.515) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | | (11.782.107.731) | (17.284.084.411) |
| Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | | (7.194.334.119) | (4.840.413.633) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 111.280.208.783 | 175.464.285.033 |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | | |
| Tiền chi mua tài sản cố định | 21 | | (4.885.219.669) | (9.993.685.824) |
| Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn | 23 | | (100.000.000.000) | (101.000.000.000) |
| Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn | 24 | | 120.000.000.000 | 53.000.000.000 |
| Tiền thu lãi tiền gửi | 27 | | 4.810.630.204 | 3.219.816.224 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | 19.925.410.535 | (54.773.869.600) |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần BIA Sài Gòn - Sông Lam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B 03 - DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | 2020 VND | 2019 VND |
|--|-----------|----------------|--------------------------|--------------------------|
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | | |
| Tiền thu từ đi vay ngắn hạn | 33 | | 731.370.852.284 | 1.037.203.509.775 |
| Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | | (782.906.941.690) | (1.135.052.074.914) |
| Tiền chi trả cổ tức | 36 | | (61.022.763.882) | (26.758.999.800) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | (112.558.853.288) | (124.607.564.939) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40) | 50 | | 18.646.766.030 | (3.917.149.506) |
| Tiền đầu năm | 60 | | 13.608.853.476 | 17.526.002.982 |
| Tiền cuối năm (70 = 50 + 60) (Thuyết minh 6) | 70 | | 32.255.619.506 | 13.608.853.476 |

Ngày 10 tháng 3 năm 2021

Người lập:


 Văn Bá Thi
 Kế toán Trưởng

Người duyệt:


 Võ Hải Thanh
 Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này.